

Số: **39**/2019/TT-BCT

Hà Nội, ngày **29** tháng **11** năm 2019

THÔNG TƯ

**Quy định định mức tiêu hao năng lượng
trong ngành công nghiệp sản xuất đường mía**

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất đường mía.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Định mức tiêu hao năng lượng cho ngành công nghiệp sản xuất đường mía trong giai đoạn đến hết năm 2025 và giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030.

2. Phương pháp xác định suất tiêu hao năng lượng trong các cơ sở sản xuất đường mía.

3. Đối với đường hóa học, đường nho, cồn sinh học và các sản phẩm đường khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở sản xuất đường mía có quy mô từ 1.000 tấn mía/ngày trở lên trên phạm vi cả nước.

2. Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Suất tiêu hao năng lượng (SEC) là tổng năng lượng tiêu hao được tính bằng Mega-joule (MJ) để sản xuất một tấn sản phẩm.

2. Định mức tiêu hao năng lượng là chỉ số suất tiêu hao năng lượng cần đạt được tương ứng từng giai đoạn theo quy định của Thông tư này.

3. Đường trắng (đường RS) là đường sacaroza được tinh sạch và kết tinh có độ pol không nhỏ hơn 99,7^o Z được quy định trong TCVN 7968:2008 *Đường*.

4. Đường tinh luyện (đường RE) hay đường tinh khiết là đường Sacaroza được tinh chế và kết tinh trực tiếp từ mía, từ đường thô hoặc các nguyên liệu khác được quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6958: 2001 *Đường tinh luyện*.

5. Đường vàng tiêu thụ trực tiếp là đường Sacaroza có màu nâu đặc trưng do có thành phần mật đường. Đường vàng tiêu thụ trực tiếp là loại đường mềm chưa tinh chế hoặc tinh chế một phần được quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7968:2008 (CODEX STAN 212: 1999) về mô tả các sản phẩm đường được sử dụng mà không cần chế biến tiếp theo.

6. Đường thô là đường Sacaroza được kết tinh từ nước mía đã làm sạch một phần nhưng chưa hoàn toàn đạt yêu cầu để ly tâm hoặc sấy và được đặc trưng bởi các tinh thể Sacaroza còn phủ một lớp mật đường quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7968:2008 *Đường*.

7. Sản phẩm tương đương là sản phẩm đường được quy đổi từ các sản phẩm đường khác nhau được sản xuất từ mía theo sản phẩm đường trắng để tính toán suất tiêu hao năng lượng trên một đơn vị sản phẩm.

Chương II

ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT ĐƯỜNG MÍA

Điều 4. Phương pháp xác định suất tiêu hao năng lượng

Suất tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất đường mía xác định theo phương pháp quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 5. Định mức tiêu hao năng lượng

1. Định mức tiêu hao năng lượng đối với ngành công nghiệp sản xuất đường mía giai đoạn đến hết năm 2025.

| TT | Quy mô cơ sở sản xuất | Đơn vị | Định mức |
|----|---------------------------------|-----------------------------|----------|
| 1 | Từ 1.000 tới 3.000 tấn mía/ngày | MJ/tấn sản phẩm tương đương | 30.000 |
| 2 | Từ 3.000 tới 6.000 tấn mía/ngày | MJ/tấn sản phẩm tương đương | 23.000 |
| 3 | Trên 6.000 tấn mía/ngày | MJ/tấn sản phẩm tương đương | 19.000 |

2. Định mức tiêu hao năng lượng đối với ngành công nghiệp sản xuất đường mía giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030.

| TT | Quy mô cơ sở sản xuất | Đơn vị | Định mức |
|----|---------------------------------|-----------------------------|----------|
| 1 | Từ 1.000 tới 3.000 tấn mía/ngày | MJ/tấn sản phẩm tương đương | 25.000 |
| 2 | Từ 3.000 tới 6.000 tấn mía/ngày | MJ/tấn sản phẩm tương đương | 18.000 |
| 3 | Trên 6.000 tấn mía/ngày | MJ/tấn sản phẩm tương đương | 17.000 |

Điều 6. Yêu cầu về đảm bảo định mức tiêu hao năng lượng theo các giai đoạn

1. Suất tiêu hao năng lượng của cơ sở sản xuất đường mía theo từng giai đoạn không được vượt quá định mức tiêu hao năng lượng quy định tại Điều 5 của Thông tư này, cụ thể như sau:

a. Trước ngày 01 tháng 01 năm 2026, cơ sở sản xuất đường mía phải đáp ứng định mức tiêu hao năng lượng quy định tại khoản 1, Điều 5 của Thông tư này;

b. Trước ngày 01 tháng 01 năm 2031, cơ sở sản xuất đường mía phải đáp ứng định mức tiêu hao năng lượng quy định tại khoản 2, Điều 5 của Thông tư này.

2. Trường hợp suất tiêu hao năng lượng của cơ sở sản xuất đường mía cao hơn định mức tiêu hao năng lượng tương ứng với từng giai đoạn thì cơ sở sản xuất phải lập và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng để đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Trước ngày 15 tháng 8 hàng năm, các cơ sở sản xuất đường mía có trách nhiệm báo cáo về tình hình thực hiện định mức tiêu hao năng lượng trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 8 năm trước tới 31 tháng 7 năm hiện tại của đơn vị

theo quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này trực tiếp bằng văn bản gửi Sở Công Thương tại địa phương.

Điều 7. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất đường mía

1. Các giải pháp về quản lý bao gồm:
 - a. Tăng cường quản lý các hoạt động sử dụng năng lượng tại các cơ sở sản xuất đường mía;
 - b. Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý năng lượng tại các cơ sở sản xuất đường mía.
2. Các giải pháp về kỹ thuật công nghệ bao gồm:
 - a. Tối ưu hóa quy trình sản xuất;
 - b. Sử dụng các thiết bị sử dụng hiệu quả năng lượng.
3. Khuyến khích các cơ sở sản xuất đường mía áp dụng các giải pháp cải thiện, nâng cao hiệu suất năng lượng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này.
2. Phối hợp với Sở Công Thương các địa phương kiểm tra tình hình thực hiện định mức tiêu hao năng lượng, tính khả thi của các kế hoạch nhằm đảm bảo định mức tiêu hao năng lượng theo lộ trình.
3. Tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương tình hình thực hiện Thông tư và đề xuất biện pháp xử lý theo quy định pháp luật đối với những trường hợp không thực hiện đúng các quy định của Thông tư.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Phối hợp với Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Bộ Công Thương hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tuân thủ theo quy định tại Thông tư này.
2. Hàng năm, thực hiện hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các báo cáo theo Phụ lục IV và tình hình tuân thủ thực hiện định mức tiêu hao năng lượng của các cơ sở sản xuất đường mía tại địa phương đối với các quy định tại Thông tư này.
3. Hàng năm, thực hiện kiểm tra tính khả thi của các kế hoạch nhằm đảm bảo tuân thủ định mức tiêu hao năng lượng theo lộ trình của các cơ sở sản xuất

đường mía tại địa phương chưa đáp ứng quy định về định mức tiêu hao năng lượng.

4. Tổng hợp tình hình thực hiện định mức năng lượng hàng năm của các cơ sở sản xuất đường mía tại địa phương và báo cáo trực tiếp bằng văn bản về Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Bộ Công Thương trước ngày 15 tháng 9 hàng năm theo quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong vòng 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các cơ sở sản xuất đường mía chưa thể xác định được định mức tiêu hao năng lượng theo quy định của Thông tư có trách nhiệm lắp đặt đầy đủ đồng hồ đo đếm năng lượng để đảm bảo tính toán chính xác suất tiêu hao năng lượng của cơ sở.

2. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các cơ sở sản xuất đường mía chưa đáp ứng được định mức tiêu hao năng lượng theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này có trách nhiệm lập kế hoạch cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng đảm bảo đáp ứng định mức tiêu hao năng lượng theo quy định của Thông tư và báo cáo Sở Công Thương tại địa phương.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **14** tháng **01** năm 2020.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương để nghiên cứu hướng dẫn, giải đáp, sửa đổi, bổ sung Thông tư./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Viện KSND tối cao, Tòa án ND tối cao;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra Văn bản);
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin Bộ Công Thương;
- Bộ Công Thương; Bộ trưởng; các Thứ trưởng, các Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TKNL.

BỘ TRƯỞNG



Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC I

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH SUẤT TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG TRONG CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐƯỜNG MÍA

Ban hành kèm theo Thông tư số 39./2019/TT-BCT ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

1. Phạm vi đánh giá là cơ sở sản xuất sản phẩm đường mía, không bao gồm khu vực canh tác, trồng trọt, phương tiện vận tải cơ giới và phân điện năng phát lên lưới điện quốc gia.
2. Thời gian xác định suất tiêu hao năng lượng của cơ sở sản xuất đường mía là từ ngày 01 tháng 08 năm trước tới 31 tháng 07 năm lập báo cáo.
3. Các thông số để xác định suất tiêu hao năng lượng trong các cơ sở sản xuất đường mía:

| Thông số | Ý nghĩa | Đơn vị |
|----------|--|--------|
| E_{PR} | Tổng nhiên liệu sơ cấp | MJ |
| E_P | Điện năng mua | kWh |
| E_S | Điện năng bán | kWh |
| P_{RS} | Sản lượng đường trắng sản xuất trong thời gian xác định suất tiêu hao năng lượng | tấn |
| P_R | Sản lượng đường thô sản xuất trong thời gian xác định suất tiêu hao năng lượng | tấn |
| P_{BR} | Sản lượng đường vàng tiêu thụ trực tiếp sản xuất trong thời gian xác định suất tiêu hao năng lượng | tấn |
| P_{RE} | Sản lượng đường tinh luyện sản xuất trong thời gian xác định suất tiêu hao năng lượng | tấn |

4. Suất tiêu hao năng lượng (SEC) của các cơ sở sản xuất thuộc ngành công nghiệp sản xuất đường mía được xác định theo Công thức 1 dưới đây:

$$SEC = \frac{E_{PR} - E_{E,P} - E_{E,S}}{P_{tđ}} \quad [MJ/tấn SP] \quad (\text{Công thức 1})$$

Trong đó:

- SEC: Suất tiêu hao năng lượng [MJ/tấn SP]
- E_{PR} : Tổng nhiên liệu sơ cấp [MJ] được xác định theo Công thức 2 dưới đây:

$$E_{PR} = \sum F_i \cdot CF_i \quad [MJ] \quad (\text{Công thức 2})$$

Với:

- F_i : Khối lượng nhiên liệu sơ cấp loại i
- CF_i : Nhiệt trị của nhiên liệu loại i (Tra theo Bảng cuối Phụ lục I)

- E_{E_P} : Điện năng mua từ lưới điện [MJ] được xác định theo Công thức 3 dưới đây:

$$E_{E_P} = E_P * CF \text{ [MJ]} \quad (\text{Công thức 3})$$

Với:

- E_P : Điện năng mua từ lưới [kWh]
- CF : Nhiệt trị (Tra theo Bảng cuối Phụ lục I)

- E_{E_S} : Nhiên liệu sơ cấp sản xuất Điện năng bán lên lưới [MJ] được xác định theo Công thức 4 dưới đây:

$$E_{E_S} = \frac{E_S * CF}{0,35} \text{ [MJ]} \quad (\text{Công thức 4})$$

Với:

- E_S : Điện năng bán lên lưới [kWh]
- CF : Nhiệt trị (Tra theo Bảng cuối Phụ lục I)

- P_{td} : Tổng sản phẩm tương đương [tấn SP]. Nhằm đảm bảo đồng nhất hoá sản phẩm trong việc so sánh, các sản phẩm đường (đường thô, đường vàng tiêu thụ trực tiếp, đường trắng, và đường tinh luyện) được quy đổi về sản phẩm tương đương theo Công thức 5 dưới đây:

$$P_{td} = P_{RS} + 0,98315 * P_R + P_{BR} + 1,09685 * P_{RE} \text{ [tấn]} \quad (\text{Công thức 5})$$

Với:

- P_{td} : Sản phẩm đường tương đương [tấn]
- P_{RS} : Sản phẩm đường trắng [tấn]
- P_R : Sản phẩm đường thô [tấn]
- P_{BR} : Sản phẩm đường vàng tiêu thụ trực tiếp [tấn]
- P_{RE} : Sản phẩm đường tinh luyện [tấn]
- 0,98315: Hệ số chuyển đổi từ đường thô sang đường tương đương
- 1,09685: Hệ số chuyển đổi từ đường tinh luyện sang đường tương đương

Do tiêu thụ nhiều dạng năng lượng khác nhau, nên các dạng năng lượng được quy đổi theo các hệ số sau:

| Stt | Loại | Đơn vị | Hệ số MJ/đơn vị |
|-----|-------------------|----------|--------------------|
| 1 | Điện | kWh | 3,60 |
| 2 | Than cám loại 1,2 | Tấn | 29.309 |
| 3 | Than cám loại 3,4 | Tấn | 25.122 |
| 4 | Than cám loại 5,6 | Tấn | 20.935 |
| 5 | Dầu DO | Tấn | 42.707,40 |
| | | 1000 lít | 36.845,60 |
| 6 | FO (Fuel Oil) | Tấn | 41.451,30 |
| | | 1000 lít | 39.357,80 |
| 7 | LPG | Tấn | 45.638,30 |
| 8 | Hơi (6 bar) | Tấn | 2.755,46 |
| 9 | Hơi (7 bar) | Tấn | 2.761,00 |
| 10 | Hơi (9 bar) | Tấn | 2.773,03 |
| 11 | Hơi (15 bar) | Tấn | 2.801,93 |
| 12 | Hơi (21 bar) | Tấn | 2.799,26 |
| 13 | Hơi (23 bar) | Tấn | 2.800,82 |
| 14 | Hơi (25 bar) | Tấn | 2.801,93 |
| 15 | Hơi (30 bar) | Tấn | 2.803,15 |
| 16 | Hơi (35 bar) | Tấn | 2.802,64 |
| 17 | Hơi (40 bar) | Tấn | 2.800,82 |
| 18 | Hơi (45 bar) | Tấn | 2.797,95 |
| 19 | Hơi (50 bar) | Tấn | 2.794,21 |
| 20 | Hơi (55 bar) | Tấn | 2.789,72 |
| 21 | Hơi (60 bar) | Tấn | 2.784,59 |
| 22 | Hơi (70 bar) | Tấn | 2.772,63 |
| 23 | Hơi (80 bar) | Tấn | 2.758,68 |
| 24 | Hơi (90 bar) | Tấn | 2.742,94 |
| 25 | Hơi (100 bar) | Tấn | 2.725,49 |
| 26 | Hơi (110 bar) | Tấn | 2.706,35 |
| 27 | Hơi (120 bar) | Tấn | 2.686,45 |
| 28 | Bã mía | Tấn | 7.464,00 |
| 29 | Mùn cưa | Tấn | 15.223,00 |
| 30 | Trấu khô | Tấn | 15.906,80 |

PHỤ LỤC II

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT ĐƯỜNG MÍA

Ban hành kèm theo Thông tư số 39./2019/TT-BCT ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

1. Tăng cường quản lý nội vi, tạo cơ chế ràng buộc trách nhiệm tiết kiệm năng lượng trong nhà máy.
2. Tối ưu hóa quá trình cháy trong lò hơi nhờ công tác thí nghiệm và hiệu chỉnh lò hơi.
3. Tận dụng nhiệt thải để sấy bã mía.
4. Đảm bảo các thiết bị tiết kiệm năng lượng trong lò hơi hoạt động hiệu quả.
5. Tuân thủ qui trình bảo dưỡng định kỳ của lò, kiểm tra lớp bảo ôn xung quanh lò.
6. Vận hành lò hơi ở công suất gần với định mức (khoảng gần 90% công suất định mức).
7. Nâng cao thông số hơi quá nhiệt khi ra khỏi lò hơi và thay thế các hệ dẫn động bằng hơi trong dây chuyền sản xuất bằng động cơ điện.
8. Giảm độ ăn mòn của cánh tuabin giúp tăng hiệu suất phát điện.
9. Thay thế tuabin đối áp bằng tuabin ngưng hơi có cửa trích hơi.
10. Tối ưu hóa hệ thống phân phối hơi.
11. Tối ưu hóa quá trình công nghệ trong quá trình bốc hơi nước mía.
12. Trang bị thiết bị bốc hơi có kết cấu hợp lý giúp tiết kiệm hơi bão hòa.
13. Tái tuần hoàn nước ngưng.
14. Tăng nồng độ Brix trước khi nấu.
15. Tái sử dụng hơi từ thiết bị bay hơi đa tầng.
16. Sử dụng nồi nấu liên tục nằm ngang.
17. Thu hồi nhiệt thải từ công đoạn sấy đường.
18. Tự động hóa quá trình sấy đường.
19. Sử dụng hơi nước thay vì nước nóng nếu cần gia nhiệt trên 95°C.
20. Cải thiện máy nén khí.
21. Thay thế Động cơ một chiều bằng động cơ xoay chiều.
22. Sử dụng máy biến áp hiệu suất cao.
23. Thay thế động cơ thường bằng động cơ hiệu suất cao.
24. Lắp biến tần cho động cơ.
25. Thay thế turbin hơi bằng động cơ điện cho bơm nước, máy nghiền.
26. Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất cao.
27. Đầu tư thay thế hệ thống ép mía trực cán thay bằng khuếch tán, giảm tối đa việc sử dụng điện và hơi cho hệ thống ép, tăng lượng hơi cho phát điện.
28. Đầu tư máy ly tâm gián đoạn hiện đại chạy bằng biến tần có khả năng tái sinh nguồn điện.
29. Đầu tư hệ thống chế luyện đường theo hướng tự động hóa cao, không cánh khuấy thay thế các hệ thống nồi nấu mẻ truyền thống dùng cánh khuấy.

PHỤ LỤC III

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT ĐƯỜNG MÍA

Ban hành kèm theo Thông tư số 39../2019/TT-BCT ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

(Dùng cho Sở Công Thương)

UBND ...
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT ĐƯỜNG MÍA

năm.....

Kính gửi: Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển Bền vững, Bộ Công Thương

Thực hiện quy định của Thông tư số/2019/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2019 của Bộ Công Thương quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất đường mía, Sở Công Thương..... báo cáo tình hình thực hiện định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất đường mía thuộc phạm vi quản lý như sau:

- Số cơ sở sản xuất đường mía:.....
- Số cơ sở đã báo cáo:.....
- Số cơ sở không báo cáo:.....

Trong đó:

- Số cơ sở đạt mức quy định:.....
- Số cơ sở cần tăng cường quản lý:.....

Chi tiết các cơ sở sản xuất đường mía thuộc phạm vi quản lý được tổng hợp dưới đây

Bảng 1. Danh sách các cơ sở sản xuất đường mía thuộc đối tượng quản lý

| TT | Tên cơ sở | Mã số thuế | Sản phẩm (Tấn) | | | | Hiện trạng báo cáo | |
|-------------|-----------|------------|----------------|-------------------------------|-------------|------------------|--------------------|----------|
| | | | Đường thô | Đường vàng tiêu thụ trực tiếp | Đường trắng | Đường tinh luyện | Đã nộp | Chưa nộp |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | | |

Bảng 2. Suất tiêu hao năng lượng của các cơ sở sản xuất đường mía đã báo cáo

| TT | Tên cơ sở | Tổng sản lượng (Tấn sản phẩm) | Suất tiêu hao năng lượng (MJ/tấn) | | Đánh giá | | |
|-------------|-----------|-------------------------------|-----------------------------------|----------------|----------|----------|--|
| | | | Kỳ báo cáo trước | Kỳ báo cáo này | Đạt | Chưa đạt | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | |

Bảng 3. Danh sách các cơ sở cần tăng cường quản lý

| TT | Tên cơ sở | Nội dung cần tăng cường quản lý | | | Ghi chú cụ thể, nếu có |
|-------------|-----------|---------------------------------|-----------------------|---------------|------------------------|
| | | Chưa báo cáo | Chưa đạt mức quy định | Nội dung khác | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |
| Tổng | | | | | |

Đề xuất, khuyến nghị về việc thực hiện Thông tư (nếu có)

.....

Nơi nhận:

- Như trên:
- Lưu Văn phòng.

ĐẠI DIỆN SỞ CÔNG THƯƠNG
 (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

MẪU BÁO CÁO THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG HÀNG NĂM

Ban hành kèm theo Thông tư số **39**/2019/TT-BCT ban hành ngày **29** tháng **11**
năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

(Dùng cho các cơ sở sản xuất đường mía)

Tên cơ sở

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

BÁO CÁO THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

Thực hiện quy định của Thông tư số/2019/TT-BCT ngày..... tháng ... năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất đường mía, đơn vị..... báo cáo tình hình thực hiện định mức tiêu hao năng lượng tại nơi chế biến như sau:

- Tên cơ sở:.....
- Địa chỉ:.....
- Mã số thuế:.....

Các thông tin dưới đây được tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 8 năm 20..... đến ngày 31 tháng 7 năm 20.....

I. Thông tin chung

| Nguyên liệu Tấn mía năm | Sản lượng và sản phẩm | | | | |
|-------------------------------|-----------------------|------------|------------------|-----------------------|-----------|
| | Đường thô | Đường vàng | Đường trắng (RS) | Đường tinh luyện (RE) | Khác |
| | Tấn / Năm | Tấn / Năm | Tấn / Năm | Tấn / Năm | Tấn / Năm |
| | | | | | |
| | | | | | |

II. Thông số vận hành cơ bản

1. Thông số lò hơi:

| Thông số | Đơn vị | Lò hơi số 1 | Lò hơi số 2 | Lò hơi số 3 | Lò hơi số 4 |
|------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Công suất thiết kế | Tấn/giờ | | | | |
| Công suất thực tế | Tấn/giờ | | | | |
| Áp suất làm việc | Bar | | | | |
| Nhiệt độ hơi ra | oC | | | | |
| Lưu lượng hơi hàng năm | Tấn hơi/năm | | | | |

2. Thông số hơi:

| Vào Tuabin | | Tuabin ra | | Đi Công nghệ | |
|------------|-----------|------------|-----------|--------------|-----------|
| Áp suất | Nhiệt độ | Áp suất | Nhiệt độ | Áp suất | Nhiệt độ |
| <i>Bar</i> | <i>oC</i> | <i>Bar</i> | <i>oC</i> | <i>Bar</i> | <i>oC</i> |
| | | | | | |

III. Thông số năng lượng tiêu thụ

1. Nhiên liệu:

| Bã mía tiêu thụ | Sinh khối khác | Dầu FO | Dầu DO | Than | LPG/CNG | Khác |
|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| <i>Tấn / Năm</i> | <i>Tấn / Năm</i> | <i>Tấn / Năm</i> | <i>Tấn / Năm</i> | <i>Tấn / Năm</i> | <i>Tấn / Năm</i> | <i>Tấn / Năm</i> |
| | | | | | | |

2. Điện năng:

| Máy phát | Bán lưới | Mua lưới |
|------------------|------------------|------------------|
| <i>kWh / năm</i> | <i>kWh / năm</i> | <i>kWh / năm</i> |
| | | |

IV. Mức tiêu hao

| Thông số | Đơn vị | Giá trị |
|--|-----------|---------|
| Suất tiêu hao năng lượng năm nay | MJ/tấn SP | |
| Năng lượng tiết kiệm năm sau | MJ | |
| | % | |
| Suất tiêu hao dự kiến năm sau | MJ/tấn SP | |
| <i>So sánh với định mức cùng giai đoạn</i> | % | |

V. Kế hoạch tiết kiệm năng lượng

| STT | Tên giải pháp | Tiềm năng tiết kiệm năng lượng | | | | Tiến độ thực hiện | | | | | | | | | | | |
|-----|---------------|--------------------------------|--------|---------|-------------|-------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| | | Năng lượng | Đơn vị | Giá trị | Tiềm năng % | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | | | | | | | | | | | | | | | | | |

VI. Đề xuất, khuyến nghị về việc thực hiện Thông tư (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)